

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1591/KH-UBND

Quảng Bình, ngày 31 tháng 8 năm 2017

SỞ LAO ĐỘNG-TB & XH QUẢNG BÌNH

ĐẾN Số: 3567
Ngày: 31/8/2017
Chuyển: Hệ thống

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển
trợ giúp xã hội tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2017 - 2020**

Căn cứ Quyết định số 565/QĐ-TTg ngày 25/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 1520/QĐ-LĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt quy hoạch mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 110/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 16 và Quyết định số 46/2015/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định hướng mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016-2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2017 - 2020 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp xã hội cho đối tượng yếu thế; tạo môi trường sống an toàn, thân thiện và lành mạnh cho trẻ em; giảm khoảng cách giới trong những lĩnh vực, ngành, vùng, địa phương có bất bình đẳng giới hoặc có nguy cơ bất bình đẳng giới cao; nâng cao chất lượng, hiệu quả cai nghiện ma túy, tuyên truyền phòng, chống mại dâm, hỗ trợ nạn nhân bị buôn bán trở về, góp phần đảm bảo an sinh, trật tự và an toàn xã hội, hướng tới mục tiêu công bằng và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020

- Tăng 30% số người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được chăm sóc, nuôi dưỡng, phục hồi chức năng tại các cơ sở bảo trợ xã hội; Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tập huấn kỹ năng cho 30% cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên công tác xã hội.

- 80% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc để phục hồi, hòa nhập cộng đồng và có cơ hội phát triển; giảm tỷ lệ gia tăng số trẻ em bị xâm hại; có kế hoạch hỗ trợ, can thiệp 90% trẻ em có nguy cơ cao bị xâm hại, trẻ em bị xâm hại; 90% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được quản lý, theo dõi. 44

- Ít nhất 70% nữ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021, nữ cán bộ quản lý, lãnh đạo và 50% nữ cán bộ trong diện quy hoạch được trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng quản lý, lãnh đạo và các kỹ năng mềm; 50% nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới được tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ hỗ trợ; 50% số người gây bạo lực hoặc có nguy cơ gây bạo lực được phát hiện, tư vấn.

- 90% người nghiện ma túy có quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính được đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; 90% xã, phường được tuyên truyền về phòng, chống tệ nạn mại dâm; 90% số nạn nhân bị mua bán được phát hiện, được tư vấn, hỗ trợ và chăm sóc.

3. Phạm vi, đối tượng và nguyên tắc ưu tiên bố trí vốn của Chương trình

3.1. Phạm vi thực hiện

Vốn đầu tư: Các Sở, ngành cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố có cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy.

Vốn sự nghiệp: Thực hiện trên phạm vi cả tỉnh, trong đó tập trung ưu tiên cho các địa phương có nhiều trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; bất bình đẳng giới hoặc có nguy cơ cao bất bình đẳng giới; những địa bàn tập trung nhiều đối tượng ma túy, mại dâm, nạn nhân bị mua bán trở về, vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

3.2. Nguyên tắc phân bổ nguồn vốn

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 46/2015/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016-2020.

4. Thời gian thực hiện Chương trình: từ năm 2017 đến năm 2020.

5. Kinh phí thực hiện Chương trình

Tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch: 94,5 tỷ đồng (điều chỉnh tăng thêm khi có nguồn), cụ thể:

a) Ngân sách Trung ương: 77,7 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 37 tỷ đồng
- Vốn sự nghiệp: 40,7 tỷ đồng

b) Ngân sách địa phương: 11,7 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển: 4 tỷ đồng;
- Vốn sự nghiệp: 7,7 tỷ đồng 

c) *Vốn huy động hợp pháp khác:* 5,1 tỷ đồng.

II. CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 1: Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội đối với các đối tượng yếu thế

1.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Củng cố, mở rộng, nâng cấp hệ thống các cơ sở trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu của đối tượng và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của các cơ sở trợ giúp xã hội, từng bước tiếp cận với các địa phương trong cả nước và khu vực, đáp ứng nhu cầu trợ giúp của người dân, hướng tới mục tiêu phát triển xã hội công bằng và hiệu quả.

b) Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao nhận thức của toàn xã hội về trợ giúp xã hội;
- Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tập huấn kỹ năng cho 30% cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên đang làm việc tại các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp;
- Tập trung đầu tư xây dựng Trung tâm Chăm sóc và Phục hồi chức năng cho người tâm thần, phấn đấu đến năm 2020 thực hiện chăm sóc, phục hồi chức năng cho khoảng 300 đối tượng.

1.2. Phạm vi thực hiện

a) Phạm vi thực hiện: Dự án được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, ưu tiên đầu tư nâng cấp, mở rộng các cơ sở chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí; cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp, trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ, nghiệp vụ cho công chức, viên chức và cộng tác viên công tác xã hội.

b) Vốn đầu tư phát triển: Các cơ sở trợ giúp xã hội nằm trong quy hoạch của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (tại Quyết định 1520/QĐ-LĐTBXH ngày 20/10/2015) và Trung tâm Chăm sóc và Phục hồi chức năng cho người tâm thần.

c) Vốn sự nghiệp: Hỗ trợ một số sở, ngành và các huyện, thị xã, thành phố.

1.3. Nội dung thực hiện

a) Phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội

- Rà soát, sắp xếp, tổ chức lại hệ thống cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn toàn tỉnh phù hợp với quy hoạch của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; chú trọng nâng cấp, mở rộng và phát triển mới mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội, gồm: Trung tâm Chăm sóc và Phục hồi chức năng cho người tâm thần và Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh, Trung tâm Giáo dục trẻ khuyết tật Lê Thủy, Trung tâm Phục hồi chức năng cho trẻ khuyết tật Hiền Ninh, *th*

- Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị cho cơ sở trợ giúp xã hội đạt tiêu chuẩn chăm sóc theo tiêu chuẩn do Nhà nước quy định, bảo đảm có các phân khu chức năng, các hạng mục công trình đáp ứng hoạt động chăm sóc, phục hồi chức năng, trị liệu và cung cấp dịch vụ công tác xã hội. Ưu tiên hỗ trợ mua sắm trang thiết bị vận chuyển đối tượng, sơ cấp cứu, sinh hoạt và phục hồi chức năng cho đối tượng.

b) Hỗ trợ xây dựng và vận hành mô hình ở Trung tâm Bảo trợ xã hội, Trung tâm Chăm sóc và Phục hồi chức năng cho người tâm thần, Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật.

c) Đào tạo, đào tạo lại, nâng cao năng lực đội ngũ công chức, viên chức, nhân viên và cộng tác viên.

Quy hoạch, bố trí cán bộ tham gia đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ về công tác xã hội phù hợp với nhu cầu hội nhập quốc tế, đạt yêu cầu ngang bằng chuẩn đào tạo của các nước trong khu vực nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về công tác xã hội.

Cử cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội tham gia các khóa đào tạo hệ vừa làm, vừa học trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và đại học; đào tạo kỹ năng chuyên sâu chăm sóc, phục hồi chức năng cho đối tượng; tập huấn nâng cao năng lực về quản lý, hỗ trợ tổ chức điều hành.

d) Truyền thông, nâng cao nhận thức

Truyền thông, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và cộng đồng xã hội về vai trò, vị trí hệ thống trợ giúp xã hội; công tác xã hội, cơ sở trợ giúp xã hội, kỹ năng chăm sóc sức khỏe tâm thần và đối tượng khác;

Tổ chức nghiên cứu, khảo sát học hỏi kinh nghiệm của các tỉnh;

Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu và phổ biến pháp luật về lĩnh vực trợ giúp xã hội cho cán bộ, nhân viên và cộng tác viên;

1.4. Kinh phí thực hiện

a) Tổng kinh phí huy động thực hiện Dự án: 67,4 tỷ đồng (điều chỉnh tăng thêm khi có nguồn), trong đó:

Ngân sách Trung ương: 60 tỷ đồng (điều chỉnh tăng thêm khi có nguồn), trong đó: vốn đầu tư phát triển: 30 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 30 tỷ đồng;

Ngân sách địa phương: 4,4 tỷ đồng (điều chỉnh tăng thêm khi có nguồn), trong đó: vốn đầu tư phát triển: 2 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 2,4 tỷ đồng;

Nguồn huy động khác: 3 tỷ đồng.

b). Dự kiến hỗ trợ các cơ sở trợ giúp xã hội, nội dung sau:

Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh: 30,7 tỷ đồng (nâng cấp trung tâm, xây dựng nhà tạm lánh).

Trung tâm Chăm sóc và Phục hồi chức năng cho người tâm thần: 10 tỷ đồng

(hỗ trợ nâng cấp, trang thiết bị).

- Các cơ sở trợ giúp xã hội công lập cấp huyện: 18 tỷ đồng
- Các cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập: 4,5 tỷ đồng.
- Tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ công chức, viên chức, nhân viên; đào tạo, đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ trợ giúp xã hội; truyền thông, khảo sát, học tập kinh nghiệm các tỉnh: 03 tỷ đồng (1 tỷ đồng/năm).

2. Dự án 2: Phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em

2.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Chủ động phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em, giảm số trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em bị xâm hại; kịp thời can thiệp, trợ giúp trẻ em có nguy cơ cao, trẻ em bị xâm hại góp phần tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh cho mọi trẻ em. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về trẻ em.

b) Mục tiêu cụ thể

- 90% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc để phục hồi, hòa nhập cộng đồng và có cơ hội phát triển;
- Giảm tỷ lệ gia tăng số trẻ em bị xâm hại;
- 90% trẻ em có nguy cơ cao bị xâm hại, trẻ em bị xâm hại có kế hoạch hỗ trợ, can thiệp;
- 90% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được quản lý, theo dõi.
- 100% huyện, thị xã, thành phố xây dựng, củng cố hệ thống bảo vệ trẻ em và thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em có hiệu quả, 100% cấp xã thành lập Ban Bảo vệ trẻ em.

2.2. Nội dung thực hiện

- Hoàn thiện và duy trì hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em chuyên biệt;
- Hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất, duy trì hoạt động cung cấp và kết nối dịch vụ bảo vệ trẻ em cho cơ sở, trung tâm cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em;
- Hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất, hoạt động mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em theo 3 cấp độ tại Văn phòng tư vấn bảo vệ trẻ em cấp huyện;
- Thiết lập mạng lưới kết nối, thực hiện quy trình tiếp nhận và xử lý liên cấp, liên ngành thông tin, thông báo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em và kết nối với Đường dây tư vấn hỗ trợ trẻ em.
- Xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp các trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt: 

+ Hỗ trợ thực hiện mô hình kết nối, chuyển gửi, tìm gia đình chăm sóc thay thế cho các đối tượng trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;

+ Hỗ trợ thực hiện mô hình cung cấp, kết nối dịch vụ trợ giúp chăm sóc sức khỏe, giáo dục, trợ giúp pháp lý và dịch vụ trợ giúp cơ bản cho trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;

+ Xây dựng, triển khai, duy trì mô hình thí điểm chăm sóc thay thế cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;

+ Tổ chức giám sát và hỗ trợ kỹ thuật về thực hiện quy trình, tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.

- Nâng cao năng lực quản lý, cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; năng lực của cha mẹ, người chăm sóc trẻ em và trẻ em về bảo vệ trẻ em:

+ Tập huấn, tuyên truyền nâng cao năng lực, kỹ năng bảo vệ trẻ em cho cán bộ quản lý, cán bộ cung cấp dịch vụ, cha mẹ và trẻ em;

+ Tập huấn nâng cao năng lực cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bảo vệ trẻ em các cấp và cán bộ của cơ sở cung cấp dịch vụ công lập; người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã; cộng tác viên bảo vệ trẻ em tại cộng đồng.

+ Tập huấn, truyền thông chuyển đổi hành vi, cung cấp kỹ năng bảo vệ trẻ em cho cha mẹ, người chăm sóc trẻ em.

+ Tập huấn, truyền thông về kỹ năng phòng ngừa nguy cơ, tự bảo vệ cho trẻ em.

- Hoàn thiện và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về trẻ em:

+ Duy trì, vận hành, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, thu thập và cập nhật thông tin về trẻ em;

+ Tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về trẻ em các cấp. Khảo sát, đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ, chuyên đề về trẻ em.

2.3. Kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí thực hiện Dự án là 8 tỷ đồng

- Nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách Trung ương: 5 tỷ đồng;

- Nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách địa phương: 2 tỷ đồng;

- Nguồn huy động khác: 1 tỷ đồng.

3. Dự án 3: Thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới

3.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị, lao động việc làm, giảm dần số vụ bạo lực trên cơ sở giới. *th*

b) Mục tiêu cụ thể

- 75% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, sỹ quan, hạ sỹ quan, chiến sỹ, người hưởng lương trong lực lượng vũ trang và sinh viên, học sinh các cấp, 50% người dân tại cộng đồng được phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức về bạo lực trên cơ sở giới;

- Phần đầu 90% nữ đại biểu dân cử nhiệm kỳ 2016 - 2021, nữ cán bộ quản lý, lãnh đạo các cấp, nữ cán bộ trong diện quy hoạch được trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng quản lý, lãnh đạo và các kỹ năng mềm;

- 90% nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện, hỗ trợ và can thiệp kịp thời và thụ hưởng các dịch vụ hỗ trợ; 50% số người gây bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện, tư vấn hoặc có hình thức xử lý phù hợp;

- 100% cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ, cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp và đội ngũ cộng tác viên về bình đẳng giới được tập huấn bổ sung kiến thức, kỹ năng hoạt động về bình đẳng giới.

3.2. Nội dung thực hiện

a) Truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới

- Nâng cao năng lực truyền thông về bình đẳng giới cho các cơ quan truyền thông, đội ngũ báo cáo viên, phóng viên, biên tập viên, cộng tác viên, đội ngũ cán bộ thông tin cơ sở;

- Xây dựng, duy trì và phát triển đa dạng các chương trình, sản phẩm truyền thông về bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó chú trọng chương trình thông tin cơ sở; phù hợp với từng nhóm dân tộc, phong tục, tập quán;

- Đa dạng hóa các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; đẩy mạnh các hoạt động thu hút nam giới và trẻ em trai tham gia thúc đẩy bình đẳng giới, phòng chống bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái, chia sẻ trách nhiệm gia đình, xóa bỏ bất bình đẳng giới trong cộng đồng và xã hội; xây dựng mạng lưới người có ảnh hưởng trong xã hội để truyền tải thông điệp về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; thực hiện tuyên truyền, giáo dục về phòng ngừa bạo lực trên môi trường mạng;

- Tuyên truyền về các tấm gương điển hình, cá nhân, tập thể có sáng kiến, hoạt động tích cực trong công tác bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới;

- Thí điểm lồng ghép nội dung về bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới vào nội dung sinh hoạt của các câu lạc bộ tại cộng đồng và trong trường học, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. *th*

b) Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo và có quan dân cử

- Triển khai các hoạt động truyền thông cho cơ quan, tổ chức, cá nhân làm công tác tổ chức, xây dựng và thực hiện công tác quy hoạch cán bộ nữ; tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ nữ cán bộ dân cử, nữ cán bộ quản lý lãnh đạo các cấp, nữ cán bộ trong diện quy hoạch kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng quản lý lãnh đạo và các kỹ năng mềm khác nhằm góp phần nâng cao tỷ lệ nữ tham gia chính trị, lãnh đạo quản lý tại các địa phương, đơn vị có tỷ lệ phụ nữ tham gia thấp;

c) Cung cấp dịch vụ phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới

- Xây dựng thí điểm Mô hình địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh tại cộng đồng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ ban đầu: nơi trú ẩn tạm thời khẩn cấp và an toàn; tư vấn tâm lý và pháp lý cơ bản; chăm sóc sức khỏe ban đầu; liên hệ chuyển tuyến trong trường hợp cần thiết;

- Cơ sở cung cấp dịch vụ ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới cung cấp gói dịch vụ hỗ trợ tối thiểu: dịch vụ cho nạn nhân gồm bảo vệ an toàn; dịch vụ y tế, chăm sóc, nuôi dưỡng; tư vấn hỗ trợ tâm lý và trợ giúp pháp lý, cung cấp kỹ năng cơ bản để phòng, tránh bạo lực tái diễn; liên kết hỗ trợ học nghề, giới thiệu việc làm cho người gây bạo lực hoàn lương;

- Triển khai mô hình “môi trường an toàn và thân thiện với phụ nữ và trẻ em” nhằm đảm bảo an toàn tại nơi công cộng;

- Triển khai mô hình trường học an toàn, thân thiện, không bạo lực với các hoạt động nâng cao kỹ năng cho giáo viên, người học và cung cấp thông tin cho phụ huynh về biện pháp phòng ngừa và ứng phó với bạo lực tại trường học; thiết lập các dịch vụ hỗ trợ, can thiệp ngay tại trường học, đề xuất biện pháp xử lý phù hợp đối với người có hành vi bạo lực; lồng ghép nội dung về phòng, chống bạo lực trong các câu lạc bộ thể thao, hoạt động ngoại khóa.

- Tiếp tục duy trì và nhân rộng mô hình ngăn ngừa và giảm thiểu tác hại của bạo lực trên cơ sở giới tại cộng đồng nhằm giảm thiểu tình trạng bạo lực trên cơ sở giới tại vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

d) Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong lĩnh vực lao động, việc làm

- Thí điểm các hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển sản xuất, kinh doanh: nâng cao năng lực, kỹ năng khởi sự và quản trị doanh nghiệp; phát triển kinh doanh theo chuỗi giá trị sản phẩm;

e) Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về bình đẳng giới

- Tập huấn nâng cao kiến thức nghiệp vụ về hoạt động bình đẳng giới, lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm;

- Thí điểm xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, thu thập và cập nhật thông tin về bình đẳng giới trong một số lĩnh vực; phát triển tài liệu, tập huấn và đào tạo kỹ năng phân tích sử dụng số liệu tách biệt giới trong một số lĩnh vực;

- Tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước về bình đẳng giới tại cơ quan, đơn vị và địa phương.

3.3. Kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí thực hiện Dự án là 7 tỷ đồng

- Nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách Trung ương: 4 tỷ đồng;

- Nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách địa phương: 2 tỷ đồng;

- Nguồn huy động khác: 1 tỷ đồng.

4. Dự án 4: Phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ người cai nghiện ma túy, người bán dâm và nạn nhân bị mua bán

4.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Nâng cao hiệu quả cai nghiện ma túy, chuyển đổi, nâng cấp hoàn thiện hệ thống cơ sở cai nghiện ma túy, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự, phục vụ công tác cai nghiện, phục hồi cho người nghiện ma túy theo quan điểm của Kế hoạch thực hiện Đề án đổi mới công tác cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đến năm 2020. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội trong công tác phòng, chống mại dâm; giảm thiểu tác hại của hoạt động mại dâm với đời sống xã hội; bảo đảm quyền bình đẳng của người bán dâm trong việc tiếp cận, sử dụng các dịch vụ xã hội; giảm tội phạm liên quan đến mại dâm. Nâng cao hiệu quả công tác tiếp nhận, xác minh, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về; tạo các điều kiện cho nạn nhân bị mua bán trở về được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, hòa nhập với cộng đồng.

b) Mục tiêu cụ thể

- Về cai nghiện ma túy:

+ Nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và các tầng lớp nhân dân về dự phòng và điều trị nghiện, phấn đấu 100% cán bộ chính quyền các cấp và 80% người dân ở độ tuổi trưởng thành hiểu biết cơ bản về nghiện ma túy, các biện pháp đổi mới dự phòng và điều trị nghiện.

+ Đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác dự phòng và điều trị nghiện, phấn đấu 90% cán bộ tham gia công tác dự phòng và điều trị nghiện được đào tạo kiến thức cơ bản; 100% cán bộ làm công tác tư vấn dự phòng và điều trị nghiện được đào tạo và được cấp chứng chỉ; 100% cán

bộ y tế công tác tại các cơ sở điều trị nghiện đủ năng lực, điều kiện theo quy định về điều trị nghiện.

+ Tăng dần số người nghiện được điều trị tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và tại cơ sở cai nghiện, phần đầu 80% người nghiện có hồ sơ quản lý được cai nghiện theo các hình thức, trong đó tỷ lệ cai nghiện tự nguyện chiếm 90%, cai nghiện bắt buộc 10%.

+ Kịp thời áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện đối với người nghiện ma túy khi có quyết định của tòa án;

- Về phòng, chống mại dâm:

+ Năm 2017 đạt 75% và đến năm 2020 đạt 100% số xã, phường, thị trấn tổ chức được ít nhất một hình thức tuyên truyền về phòng, chống mại dâm;

+ Hằng năm, thông tin về phòng, chống mại dâm được đăng tải trên cơ quan báo chí cấp tỉnh ít nhất một tháng một lần;

+ Năm 2017 đạt 60% và đến năm 2020 đạt 100% các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch lồng ghép và tổ chức, thực hiện nhiệm vụ phòng, chống mại dâm với chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương như chương trình giảm nghèo, dạy nghề cho lao động nông thôn, chương trình việc làm, phòng, chống HIV/AIDS, phòng ngừa, giảm tình trạng bạo lực trên cơ sở giới trong phòng, chống mại dâm.

+ 40% xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện được các hoạt động can thiệp giảm tác hại về HIV/AIDS, phòng ngừa, giảm tình trạng bạo lực trên cơ sở giới trong phòng, chống mại dâm;

+ Đến năm 2020, có 06 huyện, thị xã và thành phố xây dựng mô hình cung cấp dịch vụ hỗ trợ xã hội cho người bán dâm.

- Về hỗ trợ nạn nhân bị mua bán:

+ 90% các trường hợp đã tiếp nhận được tiến hành các thủ tục xác minh, xác nhận nạn nhân và được hưởng các chế độ hỗ trợ theo quy định của pháp luật;

+ 90% nạn nhân và người thân của họ có nhu cầu được bảo vệ an toàn theo quy định của pháp luật;

+ Đến năm 2020, có 6/8 huyện, thị xã và thành phố xây dựng được các mô hình hỗ trợ hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân bị mua bán.

4.2. Nội dung chủ yếu

a) Hỗ trợ cai nghiện ma túy

- Phát triển các cơ sở điều trị nghiện tự nguyện: 

+ Hình thành mạng lưới các cơ sở điều trị nghiện công lập và ngoài công lập có đủ năng lực, đáp ứng nhu cầu đa dạng về dịch vụ điều trị nghiện, tạo điều kiện thuận lợi cho người nghiện ma túy tiếp cận và sử dụng dịch vụ.

+ Tăng dần điều trị nghiện tự nguyện, giảm điều trị nghiện bắt buộc; đưa điều trị thay thế Methadone vào Cơ sở cai nghiện;

+ Phát triển và hoàn thiện các cơ sở điều trị thay thế.

- Thành lập các điểm tư vấn, chăm sóc, hỗ trợ điều trị nghiện tại cộng đồng.

- Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về dự phòng và điều trị nghiện cho cán bộ quản lý, cán bộ y tế xã, phường, thị trấn, tổ công tác cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng và những người trực tiếp tham gia công tác điều trị nghiện.

b) Về phòng, chống mại dâm

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức

+ Tăng cường công tác truyền thông, phòng ngừa thông qua các hoạt động tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng như Báo Quảng Bình, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh, mở chuyên trang, chuyên mục “Phòng chống tệ nạn xã hội”. Tổ chức tuyên truyền trực tiếp tại cộng đồng, tập trung ở các khu vực miền núi, các địa phương nghèo, địa phương có nhiều người di cư để hạn chế phát sinh số người tham gia mại dâm.

+ Tập huấn nâng cao năng lực cho mạng lưới tuyên truyền viên, công tác viên tại địa phương để thực hiện tốt công tác tuyên truyền và hướng dẫn cộng đồng về phòng ngừa mại dâm.

+ Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền tại cộng đồng thông qua các buổi sinh hoạt Câu lạc bộ, tư vấn hỗ trợ cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp; chú trọng nhóm có nguy cơ cao (học sinh, sinh viên, người lao động chưa có việc làm, nữ thanh, thiếu niên, người lao động nhập cư tại các khu công nghiệp...đặc biệt là nhóm lao động di cư, tìm việc làm tại nơi khác) nhằm bảo đảm việc di cư lao động an toàn, phù hợp với khả năng, điều kiện của họ.

+ Tăng cường tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác phòng, chống mại dâm; kỳ thị, phân biệt đối xử của cộng đồng đối với người bán dâm.

- Đẩy mạnh việc thực hiện các hoạt động phòng ngừa mại dâm thông qua lồng ghép các chương trình kinh tế - xã hội: chương trình học nghề, giải quyết việc làm, hỗ trợ vay vốn, chương trình giảm nghèo bền vững ... nhằm cung cấp cho họ cơ hội lựa chọn công việc phù hợp. *hu*

- Xây dựng, triển khai các hoạt động can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm các bệnh xã hội và HIV/AIDS, phòng ngừa giảm hại tình trạng bạo lực trên cơ sở giới trong phòng, chống mại dâm.

+ Triển khai các hoạt động can thiệp giảm tác hại về HIV/AIDS phòng ngừa, giảm tình trạng bạo lực trên cơ sở giới:

+ Tổ chức tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực về hỗ trợ giảm hại, hòa nhập cộng đồng, vận động, tư vấn người mại dâm tại cộng đồng cho cán bộ trực tiếp tham gia làm công tác phòng, chống mại dâm.

+ Huy động sự tham gia của các tổ chức xã hội, các tổ chức phi chính phủ, các câu lạc bộ, các nhóm tự lực, nhóm đồng đẳng tham gia các hoạt động phòng ngừa, giảm hại, phân biệt đối xử, hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho người bán dâm.

+ Duy trì mô hình “Phòng ngừa mại dâm tại cộng đồng kết hợp thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giảm tác hại về phòng, chống HIV trong phòng chống mại dâm” tại các xã phường, thị trấn.

+ Xây dựng thử nghiệm: “Mô hình hỗ trợ nhằm đảm bảo quyền của người lao động trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn mại dâm”.

+ Đấu tranh xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, tội phạm liên quan mại dâm.

+ Tổ chức các khóa tập huấn nâng cao năng lực cho thành viên Đội kiểm tra liên ngành phòng, chống mại dâm, lực lượng điều tra, kiểm soát viên, thẩm phán, hội thẩm trong công tác kiểm tra, điều tra, truy tố xét xử các vụ án liên quan đến mại dâm.

+ Tiến hành điều tra cơ bản, áp dụng các biện pháp nghiệp vụ tập trung vào các địa bàn trọng điểm để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn tội phạm liên quan mại dâm.

+ Tổ chức thu thập, tiếp nhận, xác minh các nguồn tin tố giác về tội phạm liên quan đến mại dâm.

+ Tổ chức điều tra, khám phá các vụ án, triệt phá các tổ chức tội phạm liên quan đến mại dâm, giải cứu nạn nhân. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra giám sát các hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm liên quan đến mại dâm.

+ Xét xử nghiêm minh tội phạm liên quan đến mại dâm, có các biện pháp bảo vệ nạn nhân trong quá trình truy tố, xét xử các vụ án liên quan đến mua bán người vì mục đích mại dâm nhất là với các nạn nhân là trẻ em.

c) Về hỗ trợ nạn nhân bị mua bán

- Nghiên cứu hình thành mạng lưới hỗ trợ nạn nhân; Xây dựng, chuẩn hóa hệ thống dịch vụ hỗ trợ nạn nhân tại các cơ sở bảo trợ, cơ sở hỗ trợ nạn nhân và tại cộng đồng; *thư*

- Thực hiện quy trình chuẩn về hỗ trợ nạn nhân tại các cơ sở bảo trợ, cơ sở hỗ trợ nạn nhân và tại cộng đồng theo quy định pháp luật, đảm bảo theo hướng bình đẳng giới, chú ý nhu cầu và đặc điểm của các nhóm đối tượng khác nhau, đặc biệt là trẻ em;

- Tổ chức tập huấn, đào tạo, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm,... nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ ngành Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan ban ngành liên quan để thực hiện tốt quy trình hỗ trợ nạn nhân hòa nhập cộng đồng;

- Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, nguồn lực phục vụ công tác hỗ trợ nạn nhân tại các cơ sở hỗ trợ nạn nhân, cơ sở bảo trợ;

- Đánh giá, rút kinh nghiệm và nhân rộng mô hình hỗ trợ nạn nhân thành công tại cộng đồng; khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia vào công tác hỗ trợ nạn nhân;

- Tổ chức giám sát, đánh giá việc thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân: Điều tra khảo sát, rà soát, thống kê nạn nhân bị mua bán trở về. Đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân.

4.3. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện dự án là 12 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương là 08 tỷ đồng (điều chỉnh tăng thêm khi có nguồn), trong đó; vốn đầu tư phát triển: 05 tỷ đồng, vốn sự nghiệp: 03 tỷ đồng;

- Ngân sách địa phương: 3 tỷ đồng, trong đó: Vốn đầu tư 1,5 tỷ đồng; vốn sự nghiệp 1,5 tỷ đồng.

- Nguồn huy động khác: 1 tỷ đồng.

III. PHƯƠNG ÁN HUY ĐỘNG VỐN

1. Ngân sách hỗ trợ từ Trung ương: gồm vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp, vốn ODA và viện trợ.

2. Vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh: Hội đồng nhân dân các cấp bố trí ngân sách địa phương để thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch, Dự án. Địa phương có trách nhiệm và cam kết bố trí kinh phí đối ứng thực hiện Kế hoạch, Dự án.

3. Thực hiện lồng ghép giữa các Kế hoạch, Dự án có cùng mục tiêu, nội dung, hoạt động.

4. Nguồn lực huy động hợp pháp từ các tổ chức tài trợ, tổ chức chính trị - xã hội, hiệp hội, doanh nghiệp, nhà hảo tâm và cá nhân trong và ngoài nước.

IV. CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Giải pháp về nhân lực, quản lý

- Nhân sự thực hiện Kế hoạch, Dự án là cán bộ quản lý nhà nước về lĩnh vực bảo trợ xã hội; bảo vệ, chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội ở tỉnh, các địa phương, Trung tâm Bảo trợ xã hội, Trung tâm nuôi dạy, phục hồi chức năng

năng cho trẻ khuyết tật, Trung tâm Chăm sóc và Phục hồi chức năng cho Người tàn tật, Cơ sở Cai nghiện ma túy.

- Các Sở, ngành, địa phương bố trí cán bộ quản lý Dự án với mục tiêu nhằm hoàn thành các hoạt động, công việc của Dự án theo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả trong phạm vi ngân sách được duyệt.

2. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Nâng cao năng lực quản lý của cơ quan quản lý nhà nước các cấp về bảo trợ xã hội; bảo vệ, chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội;

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển hệ thống trợ giúp xã hội;

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện; phân cấp cho các cấp chính quyền địa phương, các đơn vị trực tiếp thụ hưởng lợi ích của dự án, hoạt động.

3. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo của chính quyền các cấp và sự tham gia tích cực của các đoàn thể, tổ chức xã hội và cộng đồng trong việc thực hiện các chính sách, pháp luật về lĩnh vực bảo trợ xã hội, bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, phòng, chống tệ nạn xã hội.

4. Thiết lập hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá

Thực hiện việc theo dõi, giám sát và đánh giá Kế hoạch, Dự án; tổng hợp báo cáo, phổ biến thông tin kết quả thực hiện dự án cho các cơ quan liên quan ở cấp tỉnh và địa phương.

Trên cơ sở sử dụng thông tin của phần theo dõi, giám sát để phân tích toàn diện, có hệ thống và tính khách quan phù hợp, hiệu quả, hiệu suất, tác động và mức độ bền vững của Dự án để tổ chức tiến hành đánh giá giữa kỳ, kết thúc hoặc đột xuất (khi cần thiết) của Dự án. Trên cơ sở đó điều chỉnh khi cần thiết và rút ra những bài học kinh nghiệm áp dụng cho giai đoạn thực hiện tiếp theo.

5. Giải pháp về hợp tác quốc tế

Đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức quốc tế, bao gồm các tổ chức đa phương, song phương và các tổ chức phi Chính phủ trên cả 3 lĩnh vực kỹ thuật, kinh nghiệm và tài chính để phát triển các lĩnh vực bảo trợ xã hội; bảo vệ, chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính hướng dẫn các địa phương, tổ chức, cá nhân thực hiện Kế hoạch; *la*

- Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực hiện các mục tiêu của năm trước, mục tiêu đặt ra của từng dự án giai đoạn 2017-2020 và thông báo của Sở Tài chính dự kiến giao kinh phí ngân sách tỉnh bố trí thực hiện Kế hoạch (vốn sự nghiệp); dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ nguồn ngân sách tỉnh chi tiết theo từng Dự án và chi tiết cho các Sở, ngành và các địa phương, kèm theo thuyết minh nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ của từng dự án gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp;

- Tổng hợp, xây dựng Kế hoạch trung hạn và hàng năm đối với các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp theo quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan;

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch; Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch;

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính trong việc phân bổ nguồn lực, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các Dự án thuộc Kế hoạch.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển theo kế hoạch trung hạn và hàng năm để thực hiện Kế hoạch; thẩm định nguồn vốn đầu tư và khả năng cân đối vốn đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu chính phủ, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thuộc Kế hoạch;

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Tài chính

- Thẩm định và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn sự nghiệp thực hiện kế hoạch theo kế hoạch hàng năm.

- Chủ trì hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Kế hoạch;

- Phối hợp với Chủ Chương trình kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Kế hoạch.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Chủ trì tổ chức thực hiện Chương trình ở địa phương;

- Rà soát, đề xuất xây dựng và triển khai các Dự án để thực hiện Kế hoạch;

- Xây dựng các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch trung hạn và hàng năm của địa phương; gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính tổng hợp theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan;

- Quản lý, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các Dự án thuộc Kế hoạch do địa phương quản lý; định kỳ báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội,

Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tiến độ thực hiện Kế hoạch tại địa phương; tổ chức sơ kết, tổng kết Kế hoạch ở địa phương theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan thẩm định, phê duyệt và bố trí vốn đối với các công trình, dự án, hoạt động của kế hoạch thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương./.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2017 - 2020. Yêu cầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao để tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, khó khăn, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐ-TBXH;
- Cục BHXH, Trẻ em, phòng chống TNXH, Bình đẳng giới;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Tiến Dũng

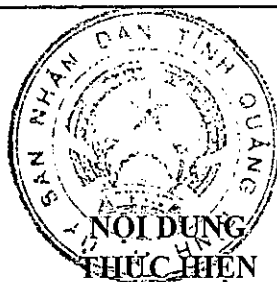


DỰ TOÁN NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN
"CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TRỢ GIÚP XÃ HỘI TỈNH QUẢNG BÌNH GIAI ĐOẠN 2017-2020"

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TRỢ GIÚP XÃ HỘI TỈNH QUẢNG TRUNG

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN (Tỷ đồng)	Tổng giai đoạn 2017-2020	Tổng kinh phí Dự án													
		Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020						
		Trung ương	Địa phương	Huy động khác	Trung ương	Địa phương	Huy động khác	Trung ương	Địa phương	Huy động khác	Trung ương	Địa phương	Huy động khác	Trung ương	Địa phương	Huy động khác	
														60	4,4	3	67,4
	DỰ ÁN 1													29	1,7		30,7
	- Hỗ trợ Trung tâm Bảo trợ xã hội:				12			9			8			10	0,6		10,6
	+ Xây dựng nhà tạm lánh				6	0,6		4						7	0,3		7,3
	+ Xây dựng mới thêm 01 khu nhà ở cho đối tượng và 01 nhà ăn				4			3	0,3		6	0,2		6	0,2		6,2
	+ Xây dựng nhà mới đa năng										2	0,2		6	0,6		6,6
	+ Nâng cấp trụ sở, sửa chữa khu nhà ở đối tượng				2	0,2		2	0,2								
1	- Hỗ trợ Trung tâm Chăm sóc và Phục hồi chức năng cho người tâm thần: hỗ trợ nâng cấp, trang thiết bị				4	0,4		3	0,3		3	0,3		10		1	11
	- Hỗ trợ các cơ sở trợ giúp xã hội công lập cấp huyện (03 cơ sở)				6			6			6			18		0	18
	- Hỗ trợ các cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập					0,5		1	0,5		1	0,5		1		1,5	3
	ngũ công chức, viên chức, nhân viên; đào tạo; đào tạo lại đội ngũ cán bộ trợ giúp xã hội; truyền thông khảo sát học tập kinh nghiệm											1			3	0,2	3,2

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN (Tỷ đồng)															Tổng kinh phí Dự án
		Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020			Tổng giai đoạn 2017-2020			
		Trung ương	Địa phương	Huy động khác	Trung ương	Địa phương	Huy động khác	Trung ương	Địa phương	Huy động khác	Trung ương	Địa phương	Huy động khác	Trung ương	Địa phương	Huy động khác	
	DỰ ÁN 2				2	0,6	0,4	2	0,6	0,4	1,5	0,3	0,3	5,5	1,5	1,1	8,1
	Chi hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, đồ dùng cần thiết cho hợp phần trẻ em trong Trung tâm bảo trợ xã hội, trung tâm, cơ sở trợ giúp xã hội và Văn phòng tư vấn bảo vệ trẻ em cấp huyện				1	0,4	0,2	1	0,4	0,2	0,5	0,1	0,2	2,5	0,9	0,6	4
2	Chi xây dựng, triển khai mô hình hỗ trợ can thiệp, trợ giúp trẻ em						0,2			0,2			0,1	0	0	0,5	0,5
	Chi hỗ trợ thu thập, cập nhật dữ liệu trẻ em vào phần mềm quản lý đối tượng trẻ em				0,6	0,2		0,6	0,2		0,6	0,2		1,8	0,6	0	2,4
	- Tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ công chức, viên chức, nhân viên; đào tạo; đào tạo lại đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em; truyền thông; khảo sát học tập kinh nghiệm ...				0,4			0,4			0,4			1,2	0	0	1,2
	DỰ ÁN 3				1,5	0,5	0,4	1,5	0,5	0,3	1,5	0,5	0,3	4,5	1,5	1	7
	- Truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới				0,1	0,1		0,1	0,1		0,1	0,1	0,1	0,3	0,3	0,1	0,7
3	- Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa trang thiết bị cần thiết phục vụ cung cấp dịch vụ cho hợp phần hỗ trợ bình đẳng giới trong Trung tâm bảo trợ xã hội				0,5	0,3	0,2	0,5	0,3	0,2	0,5	0,2	0,2	1,5	0,8	0,6	2,9

TT	 NỘI DUNG THỰC HIỆN	NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN (Tỷ đồng)															Tổng kinh phí Dự án
		Năm 2017			Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020			Tổng giai đoạn 2017-2020			
		Trung ương	Địa phương	Huy động khác	Trung ương	Địa phương	Huy động khác	Trung ương	Địa phương	Huy động khác	Trung ương	Địa phương	Huy động khác	Trung ương	Địa phương	Huy động khác	
	- Hỗ trợ xây dựng và thí điểm mô hình cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực trên cơ sở giới				0,3	0,1	0,2	0,3	0,1	0,1	0,3	0,2		0,9	0,4	0,3	1,6
	- Hỗ trợ xây dựng và vận hành mô hình địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh tại cộng đồng				0,2			0,2			0,2			0,6	0	0	0,6
	- Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về bình đẳng giới				0,4			0,4			0,4			1,2	0	0	1,2
	DỰ ÁN 4													7,7	4,3	0	12
	- Hỗ trợ cai nghiện ma túy				1	1		1	1		2	1		4	3		7
	- Phòng, chống mại dâm				1	0,3		1	0,3		1	0,4		3	1	0	4
	- Hỗ trợ nạn nhân bị mua bán				0,2	0,1		0,2	0,1		0,3	0,1		0,7	0,3	0	1
	TỔNG KINH PHÍ 4 DỰ ÁN													77,7	11,7	5,1	94,5

